Mẫu biểu số 2a

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT THU PHÍ, LỆ PHÍ NĂM 2025
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày / /2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	So sánh TH/DT (%)
A	B	1	2	3= 2/1
A	B			
I	**PHÍ**	**0**	**0**	
II	**LỆ PHÍ**	**69.600.000**	**69.600.000**	**100%**
1	Lệ phí xét tuyển thăng hạng chức danh nghề nghiệp	69.600.000	69.600.000	100%

Mẫu biểu số 2b

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày / /2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số	Loại 130		
			Tổng loại 130	Khoản 132	Khoản 139
A	B	1	2	3	4
A	**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**				
I	**NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC THUỘC NGÂN SÁCH CẤP TỈNH**				
1	**Số dư kinh phí năm trước chuyển sang**				
2	**Dự toán được giao trong năm**	**1.266.162.876**	**1.266.162.876**	**1.700.000**	**1.264.462.876**
-	- Kinh phí không được giao tự chủ	1.266.162.876	1.266.162.876	1.700.000	1.264.462.876
3	**Tổng số được sử dụng trong năm**	**1.266.162.876**	**1.266.162.876**	**1.700.000**	**1.264.462.876**
-	- Kinh phí không được giao tự chủ	1.266.162.876	1.266.162.876	1.700.000	1.264.462.876
4	**Kinh phí thực nhận trong năm**	**1.130.460.796**	**1.130.460.796**		**1.130.460.796**
-	-Kinh phí không được giao tự chủ	1.130.460.796	1.130.460.796		1.130.460.796
5	**Kinh phí đề nghị quyết toán**	**1.130.460.796**	**1.130.460.796**		**1.130.460.796**
-	-Kinh phí không được giao tự chủ	1.130.460.796	1.130.460.796		1.130.460.796
6	**Kinh phí giảm trong năm**	**135.702.080**	**135.702.080**	**1.700.000**	**134.002.080**
	Dự toán bị huỷ	135.702.080	135.702.080	1.700.000	134.002.080
B	**NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI**				
1	**Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang**				
2	**Dự toán được giao trong năm**				
3	**Số thu được trong năm**	**69.600.000**	**69.600.000**	**69.600.000**	
-	-Kinh phí không được giao tự chủ	69.600.000	69.600.000	69.600.000	
4	**Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm**	**69.600.000**	**69.600.000**	**69.600.000**	
-	- Kinh phí không được giao tự chủ	69.600.000	69.600.000	69.600.000	

Mẫu biểu số 2b

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày / /2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Phần II - CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN:

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số				
					Tổng số	Nguồn NSNN			Phí được khấu trừ, để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
				Tổng số:	**1.200.060.796**	**1.130.460.796**			**69.600.000**
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ					
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ					
130	**132**			**Khám bệnh, chữa bệnh**	**69.600.000**				**69.600.000**
		6800		**Chi đoàn ra**	**69.600.000**				**69.600.000**
			6805	Phí, lệ phí liên quan	69.600.000				69.600.000
130	**139**			**Y tế khác**	**1.130.460.796**	**1.130.460.796**			
		6750		**Chi phí thuê mướn**	**10.100.000**	**10.100.000**			
			6751	Thuê phương tiện vận chuyển	10.100.000	10.100.000			
		7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành**	**615.000.796**	**615.000.796**			
			7049	Chi khác	615.000.796	615.000.796			
		7150		**Chi về công tác người có công với cách mạng**	**505.360.000**	**505.360.000**			
			7199	Chi khác	505.360.000	505.360.000			